

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2018 - 2019 và Phương hướng, nhiệm vụ năm học 2019 – 2020

Năm học 2018–2019, ngành giáo dục đào tạo tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 9/6/2014 của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Đại học Huế (ĐHH) tập trung thực hiện tái cấu trúc, hoàn thiện tổ chức bộ máy, ngành nghề đào tạo, tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, từng bước thực hiện lộ trình tự chủ đại học. Trên cơ sở Kế hoạch năm học 2018–2019¹, ĐHH và các đơn vị thành viên (ĐVTV), đơn vị trực thuộc (ĐVTT) đã tổ chức thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực công tác.

Báo cáo gồm 2 phần:

- Phần I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2018–2019;
- Phần II. Phương hướng, nhiệm vụ năm học 2019–2020.

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2018 - 2019

I. Kết quả thực hiện 5 nhiệm vụ trọng tâm năm học 2018 - 2019

1. Thực hiện tái cấu trúc ĐHH, hoàn thiện bộ máy quản lý các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ viên chức và lao động

ĐHH đã tích cực chỉ đạo, triển khai thực hiện tái cấu trúc đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả. ĐHH đã giảm đầu mối từ 10 ban chức năng, Văn phòng ĐHH và Văn phòng Đảng ủy, các văn phòng đoàn thể xuống còn 8 ban chức năng, Văn phòng và Văn phòng Đảng – Đoàn thể². Chỉ đạo các ĐVTV, ĐVTT giảm các phòng chức năng, đầu mối quản lý hành chính của các đơn vị.

¹Kế hoạch số 1083/KH-ĐHH ngày 14/8/2018 của Giám đốc ĐHH ban hành Kế hoạch năm học 2018–2019.

²Sáp nhập Văn phòng Công đoàn, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Đảng ủy Cơ quan vào Văn phòng Đảng ủy và đổi tên thành Văn phòng Đảng – Đoàn thể. Sáp nhập Ban Hợp tác quốc tế và Ban Khoa học công nghệ & Môi trường thành Ban Khoa học công nghệ và Quan hệ quốc tế. Đang xây dựng đề án sáp nhập Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Học liệu, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên.

ĐHH tổ chức lại Viện Công nghệ Sinh học từ đơn vị trực thuộc thành đơn vị thành viên; thành lập Khoa Quốc tế; xây dựng đề án trình Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục; xây dựng đề án sáp nhập và tổ chức lại 03 Trung tâm: Công nghệ sinh học, Giáo dục Thường xuyên và Học Liệu thành Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin. Đề án chuyển ĐHH thành ĐHQG Huế; đề án tái cấu trúc ĐHH; xây dựng Tổng công ty cổ phần ĐHH (ĐHH-Holdings).

Thực hiện công tác cử Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường ĐH Y Dược; bổ nhiệm Quyền Giám đốc Bệnh viện Trường ĐH Y Dược; cử Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường ĐH Nghệ thuật; thực hiện quy trình bổ nhiệm Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban KHCN & QHQT, Phó Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đảng – Đoàn thể, Phó trưởng Khoa Du lịch, Phó Viện trưởng phụ trách Viện Nghiên cứu Giáo dục và Giao lưu quốc tế.

Kiện toàn Hội đồng Khoa học và Đào tạo ĐHH nhiệm kỳ 2016 – 2021, các hội đồng tư vấn. Thành lập Hội đồng Trường, bổ nhiệm Quyền Chủ tịch Hội đồng Trường ĐH Sư phạm nhiệm kỳ 2016 - 2021; kiện toàn Hội đồng Trường ĐH Nông Lâm.

Ban hành thông báo sắp xếp các phòng, khoa các ĐVTV và ĐVTT, bỏ chức danh quản lý tổ trưởng các tổ công tác, giảm bớt đầu mối quản lý theo tinh thần tinh gọn bộ máy và điều hành hiệu lực, hiệu quả.

Tiến hành xét chọn hồ sơ đủ điều kiện dự thi giảng viên chính của ĐHH. Phê duyệt đề án vị trí việc làm giai đoạn 2019 - 2021 của các đơn vị: Cơ quan ĐHH, Trung tâm GDQP&AN, Trường ĐH Luật...

2. Tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học, chuẩn hoá ngành nghề đào tạo trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng đơn vị, đẩy mạnh liên kết đào tạo quốc tế, đào tạo bằng tiếng Anh, hướng đến đào tạo một số ngành theo chương trình chuẩn quốc tế tại ĐHH

2.1. Đào tạo đại học, cao đẳng

Tiến hành rà soát, tái cấu trúc ngành nghề đào tạo của các ĐVTV, Phân hiệu, Khoa trực thuộc. Ban hành quyết định mở 19 ngành đào tạo mới, dừng tuyển sinh và đào tạo 04 ngành cao đẳng, 18 ngành đào tạo đại học không tổ chức đào tạo vì không có người học³.

Tăng cường các hoạt động liên kết đào tạo trong nước và quốc tế, các ngành đào tạo chất lượng cao. Triển khai tuyển sinh khóa 01 trình độ thạc sĩ ngành Khoa học môi trường với Trường ĐH Savanakhet (Lào), tiếp tục thực hiện

³Kinh doanh nông nghiệp, Hệ thống thông tin kinh tế, Tài chính – Ngân hàng (Trường ĐH Kinh tế); Khoa học đất, Công nghệ chế biến lâm sản, Lâm nghiệp đô thị (Trường ĐH Nông Lâm); Hội họa, Điêu khắc (Trường ĐH Nghệ thuật); Sư phạm sinh học, Sư phạm tin học (Trường ĐH Sư phạm); Lịch sử, Sinh học, Vật lý học, Địa lý tự nhiên, Toán học, Toán ứng dụng, Kỹ thuật địa chất, Địa chất học (Trường ĐH Khoa học).

15 chương trình tiên tiến, chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, chương trình tiếng Anh; triển khai kế hoạch tiếp nhận và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên của Lào⁴. Thực hiện chặt chẽ công tác liên kết đào tạo với các địa phương, bám sát Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT để giao chỉ tiêu các hệ đào tạo không chính quy cho các đơn vị. Các chương trình liên kết đào tạo tại địa phương được thực hiện đúng quy định tại Thông tư 07/2017/TT-BGDĐT, các đề án liên kết đào tạo đều có sự thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định.

2.2. Đào tạo sau đại học

Tổ chức đào tạo 92 chuyên ngành đào tạo cao học, có 14 ngành cao học không tổ chức đào tạo vì không có học viên trúng tuyển⁵. ĐHH hiện có 56 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Số lượng NCS giảm nhưng chất lượng đầu vào tăng theo hướng nghiên cứu đảm bảo đầu ra chất lượng cao.

Đào tạo đã kết nối với các đối tác, tăng cường đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên tốt nghiệp để có việc làm ở Nhật Bản và Hàn Quốc. Năm học 2018 – 2019, ĐHH tiếp tục phát huy vai trò của Viện tiếng Hàn (Kingsejong tại ĐHH), là 1 trong 4 đơn vị đạt kết quả tốt nhất trong 162 trung tâm tiếng Hàn trên toàn thế giới, được Tổng thống và Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ và vinh danh. Việc kết nối Công ty Canvas Gate và Công ty Annam, đào tạo tiếng Nhật do người bản xứ giảng dạy và kết nối các doanh nghiệp 2 nước Hàn Quốc, Nhật Bản và Hoa Kỳ.

3. Tiến hành kiểm định chất lượng các ngành đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn AUN-QA, các tiêu chuẩn quốc tế, tạo dựng môi trường khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho sinh viên, gắn hoạt động khởi nghiệp với ngành nghề đào tạo

3.1. Công tác khảo thí

Năm 2018: Bộ Giáo dục và Đào tạo phân bổ và tự chủ tuyển sinh, với 12.613 chỉ tiêu đào tạo đại học hệ chính quy cho 124 ngành⁶. Kết quả: đã tuyển được 8.643 sinh viên, đạt tỷ lệ 68,52% chỉ tiêu tuyển sinh (năm 2017 đạt 77,78%). Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học đạt 65,33%, thấp hơn so với năm 2017 (77,78%). Các trường có tỷ lệ sinh viên nhập học cao: Ngoại ngữ, Kinh tế,

⁴Kế hoạch do Bộ GD&ĐT giao chỉ tiêu theo chương trình Hiệp định hợp tác song phương giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào năm 2018

⁵Lý thuyết xác suất và thống kê toán học, Động vật học, Sinh thái học, Dân tộc học, Địa chất học (Trường ĐH Khoa học); Kinh tế nông nghiệp (Trường ĐH Kinh tế); Bảo vệ thực vật, Nuôi trồng thủy sản, Kỹ thuật cơ khí (Trường ĐH Nông Lâm); Lịch sử thế giới, Hoá lý thuyết và hoá lý, Văn học nước ngoài, Hình học và tô pô, Thực vật học (Trường ĐH Sư phạm).

⁶Trong đó: có 350 chỉ tiêu đào tạo theo cơ chế đặc thù của Bộ GD&ĐT, 90 chỉ tiêu đào tạo liên kết với nước ngoài, 70 chỉ tiêu đào tạo theo chương trình tiên tiến, 150 chỉ tiêu đào tạo theo chương trình chất lượng cao.

Y Dược, Luật và Khoa Du lịch⁷. Các trường ĐH Nghệ thuật, Khoa GDTC và Phân hiệu mặc dù đã xây dựng đề án tuyển sinh riêng, tuyển sinh theo phương thức sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT nhưng vẫn gặp khó khăn và không đạt chỉ tiêu tuyển sinh.

Năm 2019: ĐHH được phân bổ 13.523 chỉ tiêu đào tạo đại học hệ chính quy, trong đó: 12.416 chỉ tiêu cho 137 ngành học theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia năm 2019. Kết quả: đợt 1 có 12.736 thí sinh trúng tuyển, đạt tỷ lệ 102,58% so với chỉ tiêu⁸.

Có 1.107 chỉ tiêu cho 51 ngành học theo phương thức sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ)⁹. Kết quả: đợt 1 có 549 thí sinh trúng tuyển, 222 thí sinh xác nhận nhập học, đạt 20%; đợt 2 có 875 thí sinh trúng tuyển, đạt 76 %.

Các ĐVTV, ĐVTT đã phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Quảng Trị, Kom Tum tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 và công tác chấm thi đảm bảo an toàn.

3.2. Công tác bảo đảm chất lượng giáo dục

Tiến hành khảo sát ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2017 - 2018; ý kiến đánh giá của người học cuối khóa về chất lượng đào tạo toàn khóa học; tình hình việc làm và thu nhập của cựu sinh viên.

Rà soát kế hoạch và tiến độ cải tiến chất lượng của các đơn vị đã hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo; thực hiện báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng của Trường ĐH Nông Lâm, Trường ĐH Y Dược. Rà soát kế hoạch và tiến độ thực hiện công tác nộp báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo.

ĐHH đã hoàn thành Đề án xây dựng dữ liệu xếp hạng đại học; tổ chức hội nghị xếp hạng, chuẩn hóa và nhập dữ liệu cho các bảng xếp hạng QS – Châu Á và UniRank năm 2019. ĐHH là một trong 7 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng theo Bảng xếp hạng đại học Châu Á của QS¹⁰. Tuy nhiên, do dữ liệu xếp hạng của các ĐVTV phân tán, ảnh hưởng đến vị trí xếp hạng của ĐHH¹¹.

3.3. Công tác học sinh, sinh viên

⁷Trường ĐH Ngoại Ngữ: 102,41% (1.442/1408 chỉ tiêu); Trường ĐH Kinh tế: 98,70% (1.678/1.700 chỉ tiêu); Trường ĐH Y Dược: 95,26% (1.286/1350 chỉ tiêu); Trường ĐH Luật: 81,18% (893/1.100 chỉ tiêu), Khoa DL 80,9% (890/1.100 chỉ tiêu).

⁸Các trường đại học: Ngoại ngữ, Kinh tế, Y Dược, Luật và Khoa Du lịch có tỷ lệ thí sinh trúng tuyển sinh cao. Trong 19 ngành mới tuyển sinh năm 2019, ngành Quản lý nhà nước Trường ĐH Khoa học và ngành Du lịch Điện tử Khoa Du lịch có số lượng thí sinh trúng tuyển cao. Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển các ngành mới đạt 23 %.

⁹Thuộc 4 Trường ĐH: Nông lâm, Khoa học, Sư phạm, Luật, Phân hiệu; 47 chỉ tiêu theo phương thức sử dụng kết quả THPT kết hợp với kết quả thi năng khiếu của 7 ngành thuộc Trường ĐH Nghệ thuật và Khoa GDTC.

¹⁰Trong 180 cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được Bảng xếp hạng Webometrics công bố tháng 7/2019, ĐHH được xếp hạng thứ 8, tăng 2 bậc từ lần xếp hạng tháng 1/2019.

¹¹Bảng xếp hạng tháng 7/2019, cùng với ĐHH còn có 5 ĐVTV gồm: Kinh tế (vị trí 50), Nông Lâm (vị trí 55), Y Dược (vị trí 76), Sư phạm (vị trí 82), Nghệ thuật (vị trí 129).

Tổ chức các hoạt động giáo dục chính trị, phong trào, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động phòng chống HIV/AIDS, ma túy, tội phạm và tệ nạn xã hội; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên. Ban hành Quy chế phối hợp giữa ĐHH với Công an thành phố Huế về quản lý an ninh, trật tự đối với học sinh, sinh viên cư trú; Quy định quản lý người nước ngoài học tập tại ĐHH.

ĐHH được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn là một trong 03 đơn vị trên toàn quốc tổ chức thí điểm xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong trường đại học thuộc Đề án 1665; đồng thời, được giao thực hiện nhiệm vụ “Hỗ trợ hoạt động, liên kết của các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức chính trị - xã hội” thuộc Đề án 844 “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

ĐHH đã tổ chức các hoạt động về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo¹², hình thành mạng lưới cố vấn hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp của sinh viên ĐHH. Tổ chức cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ĐHH lần thứ II; cuộc thi Hueuni Business Innovation Hackathon, Summer 2019¹³. Đặc biệt, có 01 dự án đạt giải Nhất cuộc thi Business Ideas toàn quốc năm 2019.

Tổ chức các hoạt động ký kết hợp tác với các công ty, doanh nghiệp lớn nhằm hỗ trợ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp¹⁴. Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các chương trình giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, tập huấn kỹ năng, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.

4. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tập trung các nhóm nghiên cứu mạnh tạo ra các sản phẩm có khả năng chuyển giao vào thực tiễn sản xuất và thương mại hoá, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và đảm bảo chất lượng giáo dục

4.1. Công tác khoa học công nghệ

Số lượng, nhiệm vụ, đề tài KHCN các cấp đều tăng so với năm học trước, nhất là số lượng đề tài cấp ĐHH, đề tài cấp cơ sở gồm: 06 nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, 18 đề tài NAFOSTED, 01 chương trình KHCN cấp Bộ, 03 nhiệm vụ quỹ gen, 31 đề tài KHCN cấp Bộ, 02 nhiệm vụ giáo dục bảo vệ môi trường, 187 đề tài KHCN cấp ĐHH, hơn 300 đề tài KHCN cấp cơ sở¹⁵.

Đa số đề tài, nhiệm vụ KHCN các cấp hoàn thành với các sản phẩm khoa

¹²Với 23 sự kiện, gồm 03 diễn đàn, 02 talkshow, 05 sự kiện truyền thông và kết nối, 02 chương trình teambuilding thu hút sự trên 1.500 lượt tham gia; tổ chức 01 khóa đào tạo cố vấn khởi nghiệp cho 30 lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn; 03 khóa đào tạo giảng viên nguồn về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho 90 cán bộ, giảng viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn các tỉnh khu vực miền Trung và Tây Nguyên; 02 khóa đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, 03 khóa kỹ năng mềm cho 170 sinh viên.

¹³Các cuộc thi đã hỗ trợ gọi vốn thành công 03 dự án với tổng số vốn được cam kết đầu tư hơn 700.000.000 đ. Hỗ trợ hơn 20 nhóm dự án khác tham gia cuộc thi các cấp.

¹⁴Tập đoàn Vinpearl, Viettel, Canvas gate, Công ty CP chăn nuôi CP, Công ty 3S, Công ty Cổ phần Xây dựng, Dịch vụ và Hợp tác lao động (OLECO)...

¹⁵03 nhiệm vụ quỹ gen (B2017 chuyển tiếp và B2018), 31 đề tài KH&CN cấp Bộ (18 B2017 chuyển tiếp, 13 B2018), 187 đề tài KHCN cấp ĐHH (87 ĐHH2017 và 100 ĐHH2018).

học, đào tạo và ứng dụng đạt và vượt yêu cầu đặt hàng. Đặc biệt, các đề tài, nhiệm vụ KHCN đã đóng góp quan trọng vào sự gia tăng số lượng công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín của ĐHH. Số bài báo trên các tạp chí thuộc danh mục ISI (SCI, SCIE) của ĐHH là 163 năm 2017, 207 năm 2018 và 112 trong 6 tháng đầu năm 2019. Ngoài ra, số lượng các bài báo xuất bản trên danh mục Scopus cũng tăng đáng kể từ 2017 đến nay.

Năm học 2018 - 2019, ĐHH lần đầu tiên tổ chức đăng ký, xét chọn và công nhận 12 nhóm nghiên cứu mạnh, ký hợp đồng đặt hàng nhiệm vụ với 8 nhóm nghiên cứu mạnh. ĐHH đã ban hành, bổ sung, chỉnh sửa các quy định liên quan đến công tác KHCN phù hợp với điều kiện mới, đồng thời hướng đến nâng cao chất lượng hoạt động KHCN. ĐHH được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ tổ chức vòng sơ khảo, chung khảo, lễ tổng kết Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2018 và Giải thưởng KHCN dành cho Giảng viên trẻ năm 2018.

Tiếp tục thực hiện Nghị định 99/2014/NĐ-CP về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong các cơ sở giáo dục đại học¹⁶. ĐHH đẩy mạnh thực hiện chính sách khen thưởng khuyến khích tài năng cho cán bộ giảng viên có công bố khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus với tổng kinh phí khen thưởng là 1,4 tỷ đồng.

Về dịch vụ KHCN, ngoài dịch vụ khám chữa bệnh tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược, các dịch vụ KHCN khác đang còn hạn chế. Viện Tài nguyên và Môi trường, Viện Công nghệ Sinh học có các dịch vụ KHCN nhưng quy mô còn hạn chế. ĐHH có 01 hợp đồng chuyển giao sản phẩm chính thức, 08 hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ đã được cấp giấy chứng nhận hoặc đã được chấp nhận đơn.

4.2. Công tác hợp tác quốc tế

Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án hợp tác nghiên cứu do các trường đại học và tổ chức quốc tế tài trợ như: Đại học Alicante (Tây ban Nha), Tổ chức Cứu trợ trẻ em (Save the Children International), Bộ Giáo dục Hàn Quốc, Quỹ Khoa học Quốc gia Thụy Sĩ (SMSF) và Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sĩ (SDC), Hội đồng Liên Đại học vùng Flanders (VLIR-UOS) (Bỉ), Cộng đồng Châu Âu, Bộ Ngoại giao, Thương mại và Phát triển Canada (DFATD), Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), Cơ quan Phát triển hợp tác quốc tế Hoa Kỳ (USAID)...

Tổ chức các hội thảo, tập huấn về môi trường, kiến trúc, kinh tế, ngôn ngữ, y dược, du lịch, xã hội; các hội thảo chuyên đề, tập huấn trong khuôn khổ

¹⁶Từ năm học 2018-2019 ĐHH đã điều chỉnh phân bổ khoản thu 5% nguồn thu hợp pháp theo hướng ĐHH điều hành 3% cho các đề tài nhiệm vụ cấp ĐHH và hoạt động KHCN chung khác, các ĐVTV, ĐVTT điều hành 2% cho đề tài, nhiệm vụ cấp cơ sở.

các chương trình, dự án hợp tác quốc tế¹⁷.

Tổ chức các đoàn cán bộ, giảng viên đi tham dự hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập ngắn hạn và dài hạn tại các cơ sở giáo dục quốc tế uy tín và chất lượng ở Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Bỉ, Úc, Hoa Kỳ, Lào, Campuchia, Singapore. Nguồn kinh phí chủ yếu do các tổ chức, các chương trình hợp tác, các trường tiếp nhận tài trợ.

5. Thực hiện lộ trình tự chủ đại học, xây dựng cơ chế dự toán cấp 1, ưu tiên hỗ trợ tài chính cho các nhiệm vụ trọng tâm và có tính chiến lược, đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng, triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng ĐHH giai đoạn III tại khu đô thị Trường Bia

5.1. Công tác kế hoạch tài chính

Trình Bộ Giáo dục và Đào tạo mở rộng cơ chế đại học vùng với mô hình đơn vị dự toán cấp I và hạch toán như hai đại học quốc gia. Đề xuất việc thực hiện chuyển đổi công năng theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ với các cơ sở của ĐHH ở trung tâm thành phố thành các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và liên kết đào tạo để tăng nguồn thu, lấy nguồn thu từ việc chuyển đổi để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ở Khu đô thị Trường Bia.

Tổ chức hội nghị tự chủ đại học, triển khai thực hiện lộ trình tự chủ đối với 3 Trường Đại học: Y Dược, Luật, Kinh tế. Các viện nghiên cứu, trung tâm, nhà xuất bản sẽ chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ tài chính hoàn toàn.

Triển khai các nội dung của Thông báo kết luận số 38/TB-VPCP ngày 24/01/2018 của TTCP: bổ sung dự án đền bù, giải phóng mặt bằng khu đô thị ĐHH tại Trường Bia 120 tỷ đồng và dự án xây dựng ĐHH giai đoạn III 128 tỷ đồng vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua). Danh mục đầu tư được Quốc Hội và Chính phủ thông qua bổ sung vốn trung hạn 2016 – 2020 và danh mục vốn đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định.

Tăng cường công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án, công trình hoàn thành (ĐHH đã phê duyệt quyết toán nhiều dự án, công trình do các ĐVTV, ĐVTT; Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư xây dựng phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị với giá trị 256 tỷ đồng).

Tích cực tìm kiếm, huy động nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học. Năm 2019 ngân sách cấp cho ĐHH tăng mạnh so với năm 2018,

¹⁷Tổ chức Lễ phát động cuộc thi Sáng tạo như người Thụy Điển và buổi giới thiệu thông tin Học bổng Dự án SHARE – Batch 5. Phối hợp với Phân viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tổ chức buổi “Giao lưu và trao đổi nghiên cứu văn hóa”. Phối hợp với Viện vật lý thiên văn Paris, Pháp tổ chức buổi nói chuyện về Nghiên cứu các hành tinh ngoài hệ mặt trời. Phối hợp với Tổng Lãnh sự quán Canada tổ chức buổi giới thiệu thông tin du học Canada. Phối hợp với Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tổ chức buổi chia sẻ thông tin về giáo dục Hoa Kỳ với chủ đề “America Roadtrip” tại Trung tâm Học liệu.

triển khai nhiều gói thầu nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, cải tạo, sửa chữa lớn cho các đơn vị.

Phối hợp và triển khai thực hiện kiểm toán nhà nước chuyên đề cơ chế tự chủ giai đoạn 2016 - 2018 tại ĐHH và các ĐVTV, ĐVTT. Thực hiện phương án quản lý tài chính của các Khoa trực thuộc theo hướng tập trung và có cơ chế phân cấp, ủy quyền đối với đơn vị hoạt động hiệu quả, tăng tỷ lệ điều tiết cho ĐHH. Ngân sách NN năm 2019 được tăng lên một tỷ lệ đáng kể so với năm 2018.

5.2. Công tác cơ sở vật chất

Phối hợp với Ban Quản lý các dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện các dự án Đầu tư tăng cường tăng cường trang thiết bị nâng cao năng lực đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho 8 đơn vị; dự án duy tu bảo dưỡng và tăng cường trang thiết bị của Viện Công nghệ sinh học; dự án đầu tư chương trình Vật lý của Trường ĐH khoa học (Chương trình 162) với tổng kinh phí hơn 60 tỷ đồng.

ĐHH tiếp tục triển khai các dự án chống xuống cấp Cơ quan ĐHH, các ĐVTV và ĐVTT năm 2018 là 20 tỷ đồng; năm 2019 chi 20 tỷ đồng thực hiện duy tu bảo dưỡng và triển khai Dự án Đại học thông minh.

Phối hợp Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Huế đền bù và cưỡng chế các hộ dân xung quanh Trường ĐH Kinh tế; đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án hạ tầng Khoa Du lịch (Khu Quy hoạch Trường ĐH Nghệ thuật tại Trường Bia).

Tiếp tục thực hiện Dự án khu tái định cư 2,32 ha đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp vốn năm 2019 là 4 tỷ đồng. Tiến hành xin cấp đất và từng bước triển khai công tác quy hoạch và kiểm kê đền bù giải phóng mặt bằng của Viện Công nghệ Sinh học ở Hương Thọ, cơ bản đã hợp đồng quy hoạch lại mặt bằng phù hợp nguồn vốn đầu tư trên 20 ha.

Điều chỉnh công tác đền bù để thực hiện vốn giải phóng mặt bằng năm 2019, chuẩn bị mặt bằng để xây dựng các công trình theo kế hoạch năm 2019 - 2020 và Kho xăng dầu thuộc Trường ĐH Ngoại ngữ theo tiến độ đã được Giám đốc ĐHH thống nhất với Trung tâm phát triển quỹ đất. Với sự hỗ trợ của tỉnh, cuối năm 2019 sẽ tiến hành giải phóng dân khu nhà ở số 1 – Lê Lợi phù hợp quy hoạch chung của thành phố Huế và Học viện Âm nhạc.

II. Kết quả thực hiện các giải pháp cơ bản

1. Triển khai thực hiện đề án tái cấu trúc ĐHH theo Kế hoạch 26-KH/ĐU ngày 27/4/2018 thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết 19-NQ/TW của Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 6, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động

Hoàn thiện đề án tái cấu trúc ĐHH. Đôn đốc các ĐVTV, ĐVTT triển khai đề án tái cấu trúc. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động trong công chức, viên chức, người lao động thực hiện tái cấu trúc.

Rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối Cơ quan ĐHH, các ĐVTV, ĐVTT gắn với việc xây dựng đề án vị trí việc làm nhằm tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, lao động.

Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Văn phòng, Văn phòng Đảng – Đoàn thể, các ban chức năng, tránh trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị. Rà soát nhiệm vụ, quyền hạn để phân cấp hợp lý giữa ĐHH với các ĐVTV, ĐVTT; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của các đơn vị gắn với cơ chế giám sát, kiểm soát.

Ban hành Quy định điều chỉnh về tuyển dụng viên chức, xét nâng lương trước thời hạn, đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động; Quy định xét thay đổi chức danh nghề nghiệp hạng III.

Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý ĐHH nhiệm kỳ 2021 – 2026; quy hoạch cán bộ quản lý các ĐVTV nhiệm kỳ 2019 – 2024. Triển khai công tác kiểm tra, rà soát công tác bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức các ĐVTV.

2. Tiếp tục rà soát, xây dựng hệ thống ngành đào tạo ở ĐHH đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo Nghị quyết số 58-Q/ĐU ngày 20/6/2018 của Đảng ủy ĐHH về tăng cường công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục để hội nhập quốc tế giai đoạn 2018 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc ĐHH; Quy định quản lý các chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài

Tạm dừng 4 ngành đào tạo cao đẳng, mở thêm 19 ngành đào tạo đại học. Các ngành đào tạo mới đảm bảo tính liên ngành, phù hợp với nhu cầu xã hội. Tăng cường liên kết đào tạo quốc tế, đào tạo bằng tiếng Anh, đẩy mạnh đào tạo theo chương trình chuẩn quốc tế.

Ban hành Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục, xây dựng các nhiệm vụ về đảm bảo chất lượng giáo dục theo đúng quy định, quy trình nhằm duy trì, nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý thống nhất trong toàn ĐHH.

Tổ chức tập huấn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo chuẩn của Mạng lưới các trường ĐH khu vực Đông Nam Á (AUN-QA), Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm đánh giá cơ sở giáo dục trong khuôn khổ dự án 1 VLIR-IUC.

3. Tăng cường tiềm lực tài chính, cơ sở vật chất, huy động nguồn tài chính cho các hoạt động trọng điểm về khoa học công nghệ theo nhóm, đào tạo liên kết có yếu tố nước ngoài, chương trình giảng dạy bằng tiếng nước ngoài

Hỗ trợ tài chính cho các nhiệm vụ có tính chiến lược như: kiểm định chất lượng, chương trình giảng dạy bằng tiếng nước ngoài, đào tạo liên kết có yếu tố nước ngoài, hỗ trợ đơn vị có giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị, hợp tác quốc tế, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

Tăng cường quản lý, điều hành tài chính về hoạt động KHCN tập trung theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ như: ưu tiên hỗ trợ tài chính cho nhóm nghiên cứu mạnh, hỗ trợ các đề tài ứng dụng vào thực tiễn hoặc có bài báo công bố quốc tế, hỗ trợ ươm tạo và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện các quy định về quản lý tài chính, tài sản. Ban hành Quy định về chế độ kế toán áp dụng chung, cài đặt và tập huấn sử dụng phần mềm kế toán mới cho các đơn vị¹⁸.

4. Nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế

Triển khai thực hiện các chương trình liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các đại học đối tác ở Pháp, Estonia, Ý, Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ, Ireland. Thực hiện hợp tác đào tạo lưu học sinh Lào theo hiệp định giữa hai Chính phủ và hợp tác song phương giữa tỉnh Thừa Thiên Huế với các tỉnh Nam, Trung Lào. Tổ chức tuyển sinh, đào tạo thạc sĩ ngành Môi trường với ĐH Savanakhet, Lào.

Tích cực triển khai và chuẩn bị tuyển sinh các chương trình liên kết đào tạo với các nước trên thế giới¹⁹. Tổ chức ký kết, triển khai các thỏa thuận hợp tác với các đại học ở Rumani, Pháp, Ukraina, Đức, Úc, Mỹ, Phần Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Indonesia, Đài Loan về trao đổi cán bộ, sinh viên và các chương trình phát triển nhân lực, hợp tác nghiên cứu và đào tạo.

5. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và công tác truyền thông giáo dục, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quản lý của ĐHH liên quan đến tổ chức bộ máy, ngành nghề đào tạo, kế hoạch tài chính và cơ sở vật chất. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

¹⁸Theo chế độ kế toán HCSN mới tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC của BTC.

¹⁹Đào tạo bậc cử nhân ngành Công nghệ thông tin về An ninh mạng và Khoa học dữ liệu, liên kết với ĐH Phần Lan và ngành Quản trị kinh doanh liên kết với ĐH Thương mại UTCC (Thái Lan); chương trình liên kết đào tạo bậc cử nhân ngành Khoa học Máy tính với ĐH Winona State, Hoa Kỳ và chương trình Thạc sỹ kép đào tạo các ngành Vật lý, Hóa học theo hình thức 1+1 liên kết với trường ĐH Quốc gia Chiao Tung, Đài Loan.

trong quản lý, điều hành và cải cách thủ tục hành chính bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp.

Đôn đốc các đơn vị thực hiện Kết luận số 38/TB-VPCP ngày 24/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc. Tổ chức làm việc của lãnh đạo ĐHH với Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; làm việc với đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Thừa Thiên Huế về tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 25/5/2009 của Bộ Chính trị, xây dựng ĐHH thành ĐHQG Huế.

Tổ chức hội nghị 3 ĐH vùng để góp ý, sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học; góp ý, bổ sung nghị định, thông tư hướng dẫn thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Tổ chức tốt các kỳ Họp Hội đồng ĐHH; ban hành, triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng ĐHH. Xây dựng, triển khai ký kết giao ước thi đua của các ĐVTV, ĐVTT liên quan đến công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ năm học 2018 – 2019.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, nhất là các thông tin về tuyển sinh, các hoạt động của ĐHH, các chủ trương mới của ngành giáo dục, chủ trương tái cấu trúc của ĐHH... Xây dựng, đưa vào sử dụng trang thông tin tiếng Pháp; vận hành Cổng thông tin điện tử kịp thời. Phối hợp với cơ quan báo chí, truyền hình trên địa bàn Thừa Thiên Huế thực hiện nhiều bài viết tuyên truyền, quảng bá các hoạt động của ĐHH. Tổ chức các cuộc họp báo cung cấp thông tin về kết quả nổi bật của ĐHH, định hướng các vấn đề dư luận xã hội quan tâm. Tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức làm công tác truyền thông, tham gia các lớp tập huấn truyền thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Tổ chức kiểm tra việc sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê tại các ĐVTV, ĐVTT; thanh tra công tác đào tạo, công tác khảo thí tại các trường đại học: Nông Lâm, Y Dược, Luật và Khoa Du lịch.

Ban hành Quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo của ĐHH. Tổ chức tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật. Đã tiếp nhận, xử lý và trả lời 05 đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của các ĐVTV, ĐVTT. Tất cả các đơn thư đều được xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại 2011, Luật Tố cáo 2011, Luật Tiếp công dân 2013 và các quy định của pháp luật.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả nổi bật

1.1. Cơ cấu tổ chức ĐHH, các ĐVTV, ĐVTT từng bước được sắp xếp, tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đổi mới; cán bộ quản lý phát huy được năng lực trong công tác; chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng cao. Công tác

quản trị đại học, quản lý điều hành có nhiều đổi mới, tiến bộ, nhiều kết quả mang tính đột phá, góp phần nâng vị thế của ĐHH và các ĐVTV, ĐVTT.

1.2. Công tác quản lý đào tạo ngày càng chặt chẽ, nề nếp; chất lượng đào tạo tiếp tục được giữ vững, nhất là đào tạo hệ chính quy; từng bước đổi mới chương trình đào tạo, phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, đẩy mạnh liên kết đào tạo với nước ngoài, đào tạo bằng tiếng Anh.

1.3. Kiểm định chất lượng có tác động tích cực đến ý thức cán bộ, viên chức lao động và sinh viên, góp phần cải thiện chất lượng cơ sở giáo dục đại học, nâng cao chất lượng đào tạo. Vị trí xếp hạng của ĐHH trong nước và trên thế giới ngày càng được cải thiện.

1.4. Nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả, góp phần bồi dưỡng cán bộ và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực và cả nước. Hợp tác quốc tế được tăng cường trên các lĩnh vực, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và cơ sở vật chất, từng bước hội nhập với khu vực và quốc tế.

1.5. Công tác thanh tra, kiểm tra tiếp tục được duy trì, đẩy mạnh, góp phần phòng ngừa, phát hiện những sai phạm, thiếu sót trong quản lý và kịp thời kiến nghị xử lý vi phạm, đề xuất các giải pháp khắc phục, góp phần duy trì nề nếp, kỷ cương trong hoạt động của ĐHH và các ĐVTV, ĐVTT.

1.6. Công tác quản lý học sinh, sinh viên được chú trọng, tiếp tục giữ vững và phát huy môi trường học đường lành mạnh, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội. Các hoạt động khởi nghiệp đã góp phần thúc đẩy tính năng động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

1.7. Thực hiện tốt công tác kế hoạch tài chính trong bối cảnh khó khăn; phát huy tối đa tiềm lực tài chính vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và phục vụ công tác chuyên môn, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của ĐHH.

2. Hạn chế

2.1. Một số nội dung đề án tái cấu trúc ĐHH khó triển khai do việc sắp xếp viên chức, cán bộ, nhất là tái cấu trúc ngành nghề và nguồn thu, tiến độ thực hiện ở các ĐVTV, ĐVTT. Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động tổ chức cán bộ chưa thường xuyên. Công tác định biên và đề án vị trí việc làm còn rất chậm ở các đơn vị, xác định khối lượng công việc theo vị trí việc làm của viên chức, lao động chưa đáp ứng với nhu cầu thực tiễn.

2.2. Tình trạng mất cân đối trong tuyển sinh và đào tạo, những ngành mới mở đang có sự thu hút đối với xã hội thì đội ngũ giảng viên cơ hữu mỏng, những ngành truyền thống, có thế mạnh về cán bộ cơ hữu trình độ cao gặp khó khăn trong việc tuyển sinh. Tuyển sinh nhiều ngành còn gặp khó khăn như các đơn vị:

Khoa học, Sư phạm, Nông lâm, Nghệ thuật, Phân hiệu, GDTC... Tình trạng mất cân đối trong tuyển sinh năm 2019 vẫn chưa được cải thiện.

2.3. Kế hoạch tự đánh giá các chương trình đào tạo để tham gia kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia tiêu chuẩn AUN-QA tại các đơn vị chưa đúng tiến độ. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu để tham gia xếp hạng đại học theo QS ASIA Rankings, Webometrics và UniRank còn gặp khó khăn do chưa có sự đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu và còn phân tán từ cấp trường/khoa/phân hiệu đến các viện, trung tâm.

2.4. Công tác quản lý sinh viên ngoại trú còn gặp nhiều bất cập. Đề án 1665 “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” đã được triển khai tuy nhiên một số đơn vị chưa thực sự quan tâm, triển khai đồng bộ, hiệu quả; hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo chưa có sự quan tâm của cán bộ, giảng viên và sinh viên; thiếu những người sáng tạo, thiếu khát vọng làm giàu và không biết cách khởi nghiệp.

2.5. Việc triển khai thực hiện lộ trình tự chủ đại học, tự chủ tài chính ở ĐHH còn chậm và lúng túng do Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành văn bản hướng dẫn.

3. Bài học kinh nghiệm

3.1. Việc thống nhất chung về chủ trương và hành động ở các ĐVTV, ĐVTT và ĐHH.

3.2. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giữ vững kỷ cương, nề nếp trong các hoạt động. Kế hoạch kiểm tra, giám sát mang tính thực tế, khả thi, kịp thời có những giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các đơn vị.

3.3. Quán triệt nghiêm túc, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát huy truyền thống đoàn kết, nhất trí trong Đảng ủy, Ban Giám đốc, các tổ chức đoàn thể; sự đồng thuận trong cán bộ, viên chức lao động và học sinh, sinh viên.

3.4. Thường xuyên bám sát và tranh thủ sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sự giúp đỡ, hỗ trợ của các bộ, ban, ngành trung ương và tỉnh Thừa Thiên Huế, các tỉnh khác; kịp thời đề ra các chủ trương và giải pháp để chỉ đạo, điều hành, thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm.

3.5 Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong xây dựng và thực hiện nhiệm vụ; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, viên chức lao động, tạo điều kiện họ yên tâm công tác, gắn bó, tập trung công sức, trí tuệ xây dựng và phát triển ĐHH.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

NĂM HỌC 2019 – 2020

I. Những thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hóa tạo điều kiện thuận lợi để hợp tác, phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Năm học 2019 – 2020, là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, ngành giáo dục tiếp tục nhận được sự quan tâm của Trung ương Đảng, Quốc hội, sự chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Chính phủ, nhiều chủ trương, biện pháp tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Ngành giáo dục đào tạo tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, nhất là việc phân tầng, xếp hạng đại học, đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý giáo dục, tăng cường công tác đảm bảo chất lượng, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo theo Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí Thư.

2. Khó khăn

Toàn cầu hoá bước vào giai đoạn phát triển sâu rộng, đặt ra thách thức lớn cho công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục và sự dịch chuyển lao động trong khu vực và thế giới. Mô hình kinh tế thay đổi và phát triển nhanh, nhu cầu lao động mới nên nhiều ngành đào tạo truyền thống, khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm không tuyển sinh được sinh viên dẫn đến nguồn thu hạn chế. Đầu tư công và chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước giảm mạnh.

Hệ thống văn bản quy định của nhà nước chưa nhất quán, nhất là các nghị định, thông tư hướng dẫn về tự chủ khiến các đơn vị gặp khó khăn trong quá trình triển khai tự chủ đại học.

II. Phương hướng chung

Triển khai thực hiện tái cấu trúc ĐHH theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và sớm chuyển ĐHH thành ĐHQG Huế hướng đến tự chủ đại học. Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo và đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và xây dựng các doanh nghiệp của đại học để tăng nguồn thu đảm bảo cân bằng giữa nguồn thu học phí và khoa học công

nghe. Phát triển Đại học Huế thành một trung tâm giáo dục đại học quốc gia có bản sắc riêng, có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội và địa chỉ tin cậy cho người học trong khu vực và quốc tế.

III. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Triển khai thực hiện Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018, tái cấu trúc ĐHH và sớm chuyển ĐHH thành ĐHQG Huế 2020; thực hiện quy trình bổ nhiệm, kiện toàn bộ máy quản lý các ĐVTV, ĐVTT nhiệm kỳ 2019 – 2024

1.1. Tiếp tục thực hiện Đề án tái cấu trúc ĐHH; hoàn thành Đề án phát triển ĐHH thành ĐHQG Huế; hướng đến thành lập Khoa Lý luận chính trị trực thuộc ĐHH; sớm sáp nhập 3 Trung tâm: Công nghệ thông tin, Học liệu, Giáo dục Thường xuyên (Ban TCCB, 03 trung tâm, quý IV/2019). Triển khai mô hình tự chủ cho Trung tâm Phục vụ sinh viên theo hướng xã hội hóa (Ban KHTC, CSVC, Trung tâm PVSU, quý IV/2019).

1.2. Phê duyệt Đề án vị trí việc làm các ĐVTV, ĐVTT giai đoạn 2019 – 2021 (Ban TCCB và các đơn vị, quý IV/2019). Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức, lao động đáp ứng yêu cầu công tác ngày càng cao trong tình hình mới. Thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và tăng cường liên kết, liên doanh theo tinh thần Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2025 (Các ban chức năng, ĐVTV, ĐVTT, bắt đầu từ 9/2019).

1.3. Thực hiện quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kiện toàn bộ máy quản lý các ĐVTV, ĐVTT nhiệm kỳ 2019 – 2024 (Ban TCCB và các ĐVTT hết nhiệm kỳ, tháng 9 – 11/2019).

1.4. Phê duyệt Quy chế tổ chức hoạt động của các ĐVTV, ĐVTT; rà soát, ban hành các văn bản quản lý, điều hành ĐHH phù hợp với Luật Giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định mới (Ban TCCB, các ĐVTV, ĐVTT, quý IV/2019).

2. Đẩy mạnh tái cấu trúc ngành nghề đào tạo, tăng cường liên kết đào tạo, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo nguồn thu vượt 10 – 15%.

2.1. Sắp xếp, cơ cấu lại ngành nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước, thu hút người học, phát huy thế mạnh của ĐHH định hướng đại học nghiên cứu và ứng dụng (Ban ĐT, các ĐVTV, ĐVTT, quý IV/2019).

2.2. Tạm dừng và xoá tên các ngành, chuyên ngành đào tạo không còn trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV, không tuyển sinh được trong 3 năm

liên tiếp, không đảm bảo đội ngũ cán bộ cơ hữu theo quy định (Ban ĐT, các ĐVTV, ĐVTT, quý IV/2019).

2.3. Mở các ngành, chuyên ngành, liên ngành mới, thí điểm, đáp ứng nhu cầu xã hội, có tính liên thông, tạo điều kiện cho sinh viên học liên thông hoặc học cùng lúc 2 văn bằng. Ưu tiên mở các ngành, chuyên ngành thích ứng với cuộc cách mạng 4.0, thuộc lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và kết nối khối, an toàn thông tin mạng, mật mã, điều khiển, tự động hóa, robotics, năng lượng xanh; quy hoạch không gian và đô thị; hệ thống cấu trúc kinh tế xã hội và thiên nhiên; vật lý, thiên văn và vũ trụ; quản lý điều hành, sức khỏe (Ban ĐT, ĐBCL, các ĐVTV, ĐVTT, quý IV/2019).

2.4. Tiếp tục xây dựng đề án liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ với các trường đại học của các nước trong khu vực, tăng cường với Lào, Myanmar. Tăng cường chuyển đổi các chương trình đào tạo hiện có hoặc xây dựng các chương trình đào tạo mới giảng dạy bằng tiếng Anh (Ban ĐT, các ĐVTV, ĐVTT, quý III/2020).

2.5. Đẩy mạnh công tác đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; tích cực quảng bá để thu hút học viên cao học, nghiên cứu sinh người nước ngoài đến học tập, nghiên cứu, trao đổi học thuật (Ban CT.HSSV, các ĐVTV, ĐVTT, quý III/2019).

3. Hoàn thiện hệ thống, mạng lưới đảm bảo chất lượng trong toàn ĐHH, triển khai kế hoạch tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; đẩy mạnh hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp, tăng cường khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho sinh viên

3.1. Hoàn thiện hồ sơ thành lập và cấp phép hoạt động của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (Ban KT & ĐBCLGD, quý IV/2019). Tập trung triển khai kế hoạch tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, tham gia kiểm định chất lượng tiêu chuẩn AUN-QA; phấn đấu có ít nhất 10% số chương trình đào tạo có sinh viên tốt nghiệp được kiểm định chất lượng giáo dục (Ban KT & ĐBCLGD, quý II/2020).

3.2. Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, hình thành mạng lưới đảm bảo chất lượng nhằm tạo ra sự chuyên biến mạnh mẽ, trong công tác đảm bảo chất lượng, xây dựng văn hóa chất lượng (Các ĐVTV, ĐVTT, quý III/2020). Đồng thời, xây dựng Chiến lược xây dựng và Phát triển của Đại học Huế đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 (IV/2019).

3.3. Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo; tổ chức đánh giá chất lượng người học thông qua khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng; hỗ trợ các ĐVTV hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, thông qua Hệ thống thông tin quản lý trên nền tảng Đại học thông minh (Trung tâm CNTT, Ban CSVC, Ban KT & ĐBCLGD, các ĐVTV, quý II/2020).

3.4. Khảo sát nhu cầu và tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về ĐBCLGD cho các đơn vị theo bộ tiêu tiêu chuẩn mới, tiêu chuẩn AUN-QA; tập huấn viết chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo CDIO (Ban KT & ĐBCLGD, quý IV/2029).

3.5. Tăng cường hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp trong đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu xã hội và thị trường lao động; đẩy mạnh công tác hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, tư vấn hướng nghiệp, tìm việc làm cho sinh viên (Các ĐVTV, ĐVTT, quý III/2020). Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp của Hàn Quốc và Nhật Bản, đào tạo tiếng Hàn và Nhật cho sinh viên tốt nghiệp (Ban CT.HSSV và Trung tâm KN & ĐMST, II/2020).

3.6. Triển khai thành lập Tổng Công ty Cổ phần ĐHH (ĐHH-Holdings) khi văn bản cho phép (Ban Giám đốc ĐHH và Trung tâm KN & ĐMST, tháng 9/2019).

4. Phát huy tiềm lực khoa học công nghệ, tạo ra các sản phẩm có tính ứng dụng cao phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả hợp tác với địa phương, doanh nghiệp

4.1. Tiếp tục đầu tư các phòng thí nghiệm trọng điểm: (1) Phòng Nghiên cứu Hoá sinh môi trường biển (2) Phòng Hoá lý chuyên sâu (3) Xưởng sản xuất các chế phẩm sinh học và sản phẩm lên men (4) Hệ thống Smart Uni (5) Thiết lập hệ thống doanh nghiệp: Tổng công ty và các công ty con (Ban TCCB; CSVN và KHTC, các đơn vị liên quan, quý IV/2019).

4.2. Tiếp tục phát triển và xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh, phấn đấu có 20 - 25 nhóm nghiên cứu mạnh ở ĐHH (Ban KHCV & QHQT, quý III/2020).

4.3. Hoàn thiện cơ chế quản lý KHCV theo hướng kiểm soát sản phẩm cuối, giao nhiệm vụ cho các nhóm nghiên cứu theo sản phẩm tùy theo loại hình nghiên cứu; tinh giản thủ tục, tăng cường năng lực điều phối; đảm bảo phân cấp; áp dụng Nghị định 95 về đổi mới cơ chế tài chính căn cứ hiệu quả thực hiện, áp dụng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng (Ban KHCV & QHQT, các ĐVTV, ĐVTT, quý III/2020).

4.4. Tăng cường đăng ký sở hữu trí tuệ và thương mại hoá sản phẩm, phấn đấu có 20 sản phẩm và quy trình công nghệ được đăng ký sở hữu trí tuệ, 9 sản phẩm được thương mại hoá và 5 quy trình công nghệ được chuyển giao, nâng nguồn thu từ KHCV lên 12 % trong năm 2020 (Ban KHCV & QHQT, các ĐVTV, ĐVTT, quý III/2020).

5. Thực hiện lộ trình tự chủ đại học, tăng nguồn thu, đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu công tác đào tạo, nghiên cứu; tập trung xây dựng khu đô thị đại học tại Trường Bia

5.1. Triển khai thực hiện lộ trình tự chủ đại học, tự chủ tài chính với cơ chế hoạt động tương tự như ĐH quốc gia; rà soát và có giải pháp mạnh đối với các đơn vị không cân đối được tài chính trong năm, thu không đủ chi kéo dài (Ban KHTC, các đơn vị: Kinh tế; Ngoại Ngữ, Y Dược và Luật, quý III/2020).

5.2. Thực hiện các dự án chống xuống cấp của ĐHH, các ĐVTV, ĐVTT năm 2019 và dự án Đại học thông minh, tăng cường đầu tư công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin của ĐHH; tiếp tục thực hiện Dự án khu tái định cư 2,32 ha đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp vốn năm 2019; từng bước tiến hành đền bù để cấp đất và triển khai công tác quy hoạch chi tiết 1/500 của Viện CNSH ở Hương Thọ; thực hiện công tác đền bù Dự án hạ tầng Trường ĐH Nghệ thuật để chuyển đổi xây dựng Khoa Du lịch (Ban CSVC, các đơn vị liên quan, quý IV/2020).

5.3. Phối hợp với Ban Quản lý các dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện các dự án Đầu tư tăng cường hạ tầng công nghệ thông tin, Dự án nâng cao năng lực khoa học công nghệ và cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, đào tạo trong 2 năm 2019-2020 (Ban CSVC, quý IV/2020).

5.4. Xây dựng các đề án sử dụng tài sản công để trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt phương án cho thuê, liên doanh liên kết (Ban CSVC và KHTC, quý IV/2019).

5.5. Tăng cường nguồn thu từ việc phát triển Doanh nghiệp và huy động các nguồn thu thông qua việc xã hội hoá theo chủ trương đổi mới của Đảng và Chính phủ (Ban KHTC và CSVC, II/2020)

IV. Giải pháp thực hiện

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý điều hành, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành

1.1. Thực hiện Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018; căn cứ Nghị định, Thông tư hướng dẫn, tiến hành rà soát, xây dựng, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản của ĐHH, đảm bảo phù hợp các văn bản quy định hiện hành (Văn phòng, Ban TCCB, các đơn vị liên quan, quý IV/2019 – I/2020).

1.2. Tăng cường và thực hiện có kết quả kế hoạch kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của công tác tại các đơn vị, đặc biệt là công tác tổ chức cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý, tuyển dụng viên chức (Ban TCCB, TTPC, quý IV/2020).

1.3. Triển khai đề án xây dựng “Đại học thông minh” nhằm quản trị đại học tiên tiến, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo hướng đến tự chủ đại học; xây dựng môi trường làm việc, giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên, học

viên hiện đại, hiệu quả; tăng cường sự tham gia đóng góp ý kiến, giám sát của học viên, giảng viên (Ban CSVC, các đơn vị liên quan, quý IV/2020).

1.4. Bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, quản lý xây dựng cơ bản, quản lý tài chính, cơ sở vật chất; tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành của ĐHH, điện tử và số hóa 100% văn bản trên hệ thống điều hành quản lý, hướng đến không sử dụng văn bản giấy (Văn phòng, các ban chức năng, các ĐVTV, ĐVTT, quý IV/2019).

1.5. Tiếp tục ký kết và thực hiện giao ước thi đua giữa ĐHH với Hiệu trưởng các ĐVTV, Thủ trưởng các ĐVTT trên các tiêu chí và định lượng, cam kết đẩy mạnh các hoạt động KHCN, thúc đẩy hợp đồng chuyển giao KHCN và bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, công trình khoa học được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế (Văn phòng, các ban chức năng, các ĐVTV, ĐVTT, tháng 9/2019).

2. Phát huy vai trò của bộ máy tổ chức, quản lý; nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục, chất lượng đội ngũ cán bộ viên chức, lao động

2.1. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành liên quan để triển khai có hiệu quả Kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng và phát triển ĐHH theo mô hình tự chủ, phát triển ĐHH theo định hướng đại học nghiên cứu; hoàn chỉnh Đề án tiền khả thi, đề án khả thi và xin phê duyệt chủ trương phát triển ĐHH thành ĐHQG Huế (Ban Giám đốc ĐHH, Văn phòng, các đơn vị liên quan, đến quý III/2020).

2.2. Xây dựng chiến lược phát triển ĐHH giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030 của ĐHH và các ĐVTV, ĐVTT (Ban TCCB, các ĐVTV, ĐVTT, quý IV/2019).

2.3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức theo chỉ tiêu phấn đấu của Đại hội Đảng bộ ĐHH lần thứ V (Ban TCCB, các ĐVTV, ĐVTT, quý III/2020) và chuẩn bị Đại hội Đảng bộ các cấp cơ sở và Đại học Huế (từ tháng 4 - 8/2020).

2.4. Xây dựng và triển khai đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quy hoạch quản lý giai đoạn 2020 – 2025; điều chỉnh, hoàn thiện các quy định về đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ quản lý (Ban TCCB và Văn phòng Đảng – Đoàn thể, quý IV/2019).

3. Nâng cao hiệu quả công tác khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục, tăng cường khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ

3.1. Hỗ trợ cho nhóm nghiên cứu mạnh và các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; tìm kiếm được đề tài có tiềm năng và có năng lực để thương mại hóa

sản phẩm KHCVN, đẩy sản phẩm nghiên cứu ra thị trường (Ban KHCVN & QHQT, Trung tâm KN & ĐMST, các ĐVTV, ĐVTT, quý III/2020).

3.2. Tiếp tục xây dựng Tạp chí Khoa học ĐHH hội nhập hệ thống tạp chí khoa học quốc tế; xây dựng Quỹ phát triển KHCVN ĐHH (Ban KHCVN & QHQT, Tạp chí KH, quý III/2020).

3.3. Phát triển Viện Công nghệ sinh học thành trung tâm công nghệ sinh học cấp quốc gia tại miền Trung có cơ sở vật chất và nghiên cứu hiện đại, đồng bộ, nhân lực đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, tiến tới sáng tạo các công nghệ nền của công nghệ sinh học, có khả năng giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội (Viện CNSH, các đơn vị liên quan, quý III/2020).

3.4. Tiếp tục xây dựng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế; thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên; đẩy mạnh hợp tác chiến lược với các đối tác truyền thống như Hàn Quốc, Trung Quốc, Lào, Thái Lan và Nhật Bản; thúc đẩy phối hợp với các đối tác châu Âu thông qua dự án nâng cao năng lực của khối Cộng đồng chung châu Âu để phát triển các chương trình hợp tác nghiên cứu giữa ĐHH và các đại học về kỹ thuật - công nghệ (Ban KHCVN & QHQT, các đơn vị liên quan, quý III/2020).

4. Tăng cường các nguồn lực đầu tư phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

4.1. Tập trung nguồn lực thực hiện tái cấu trúc để hoàn thiện cơ cấu tổ chức các ĐVTV, ĐVTT; ưu tiên nguồn kinh phí đầu tư về cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm cho các đơn vị ở các đơn vị thực hiện tự chủ đại học, tự chủ tài chính. Tích cực tìm kiếm, huy động nguồn lực tài chính; khuyến khích, tạo điều kiện cho các đơn vị khai thác các nguồn thu hợp pháp để đầu tư cho các hoạt động đào tạo liên kết nước ngoài và khoa học công nghệ (Ban KHCVN & QHQT; KHVC; CSVN và các đơn vị liên quan, quý III/2020).

4.2. Phối hợp với UBND thành phố Huế thực hiện việc đền bù cho các hộ dân cư để giải phóng mặt bằng toàn bộ khu quy hoạch Trường Bia, phân đấu di dời toàn bộ dân cư ra khỏi Khu quy hoạch (Ban CSVN, quý IV/2020).

4.3. Thực hiện đầu tư Khu quy hoạch theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất chỉ đạo tại Thông báo số 38/TB-VNCP ngày 24/01/2018; đầu tư phát triển đô thị Trường Bia, xây dựng ĐHH giai đoạn III theo kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 của Chính phủ đã phê duyệt (Ban CSVN, quý IV/2020).

4.4. Phối hợp với Thị Xã Hương Trà để thúc đẩy nhanh và đề nghị Tỉnh giao khu đất 20 ha Hương Thọ để giải phóng mặt bằng xây dựng Viện Công nghệ sinh học trong quý II/2020 (Ban CSVN; KHVC và Viện CNSH).

4.5. Phối hợp UBND thành phố Huế và Trung tâm quỹ đất xem xét và cân đối ngân sách ĐHH để sắp xếp để di chuyển 18 hộ cư dân ở số 1 Lê Lợi, xây dựng cảnh quan dọc đường Lê Lợi.

5. *Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, công tác truyền thông giáo dục, tuyên truyền, quảng bá tuyển sinh*

5.1. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định của pháp luật trong các lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của Hiệu trưởng các ĐVTV, ĐVTT. Tập trung thanh tra hoạt động đào tạo, công tác tuyển dụng viên chức, lao động, cơ sở vật chất, việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ (Ban TTPC, quý III/2020).

5.2. Kiểm tra việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra năm học do Hiệu trưởng phê duyệt; việc tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức và hoạt động thanh tra nội bộ (Ban TTPC, quý III/2020).

5.3. Phát triển hệ thống thông tin hiện đại, đồng bộ; phát triển Cổng thông tin điện tử ĐHH. Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông năm học 2019 – 2020 trên cơ sở kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Toàn Đại học Huế có 1 domain và tất cả sử dụng E-mail hueuni.edu.vn (Văn phòng, các ĐVTV, ĐVTT, quý III/2020).

5.4. Chủ động phối hợp với các cơ quan truyền thông cung cấp thông tin kịp thời, chính xác; tăng cường thông tin, tuyên truyền các hoạt động đổi mới của ngành giáo dục và các hoạt động nổi bật của ĐHH. Tổ chức hội nghị tập huấn công tác truyền thông tại ĐHH, từng bước chuẩn hoá đội ngũ làm công tác truyền thông (Văn phòng, các ĐVTV, ĐVTT, quý III/2020).

5.5. Xây dựng kế hoạch triển khai công tác tuyên truyền, quảng bá tuyển sinh năm 2020, xác định được thách thức của công tác tuyển sinh để đầu tư và tiếp cận đúng hướng, tận dụng tối đa công nghệ thông tin và truyền thông trên thiết bị di động, mạng Internet; phối hợp chặt chẽ các đơn vị, bộ phận liên quan trong quá trình triển khai. Đẩy mạnh tuyên truyền chất lượng đầu ra của sinh viên, chất lượng của hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, hợp tác phát triển, việc làm cho sinh viên (Văn phòng, Ban ĐT, KT & ĐBCLGD, các ĐVTV, ĐVTT, quý IV/2019).

Phụ lục 1. Kết quả xét tuyển đại học năm 2018

STT	Nội dung	Đợt xét tuyển	
		Đợt 1	Bổ sung đợt 1
1	Số ngành	124	74
2	Chỉ tiêu	12.613	3.454
3	Số nguyện vọng ĐKXT	55.520	490
4	Số thí sinh trúng tuyển	12.935	294
5	Số thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học	8.853	204
6	Số thí sinh nhập học thực tế	8.439	204
7	Tỉ lệ thí sinh trúng tuyển so với tổng chỉ tiêu đợt xét tuyển	102,55%	8,51%
8	Tỉ lệ thí sinh nhập học thực tế so với tổng chỉ tiêu đợt xét tuyển	66,91%	5,91%

Nguồn: Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHH

Phụ lục 2. Thí sinh dự thi vào các ngành năng khiếu năm 2019

STT	Tên ngành/ Tên trường	Số hồ sơ ĐKDT	Số thí sinh vắng thi	Số thí sinh dự thi
1	Khoa Giáo dục Thể chất (T)	49	11	38
2	Ngành Kiến trúc; Quy hoạch vùng và đô thị, Trường ĐHKH (V)	76	03	73
3	Trường Đại học Nghệ thuật (H)	74	17	57
4	Ngành Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP (M)	415	101	314
5	Ngành Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP (N)	39	8	31
Tổng cộng:		653	140	513

Nguồn: Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHH

Phụ lục 3. Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển học bạ

STT	Đơn vị	Đợt 1				Đợt 2	
		Chỉ tiêu	Số hồ sơ TT	Số XNNH	% XNNH so với CT	Số nguyện vọng ĐKXT	Số hồ sơ TT
1	Trường ĐH Luật	110	189	101	91.82	852	206
2	Trường ĐH Nông Lâm	621	229	95	15.30	652	403
3	Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị	140	71	3	2.14	27	25
4	Trường ĐH Sư phạm	36	25	10	27.78	103	85
5	Trường ĐH Khoa học	200	35	13	6.50	197	133
6	Trường ĐH Nghệ thuật	42				12	11
7	Khoa Giáo dục Thể chất	5				13	12
Tổng cộng		1154	549	222	19.24	1856	875

Nguồn: Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHH

Phụ lục 4. Tuyển sinh đợt 1 theo phương thức xét tuyển kết quả thi THPTQG năm 2019

TT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu công bố	Trúng tuyển NV1 sau lọc ảo	Trúng tuyển NV2 sau lọc ảo	Trúng tuyển NV3 sau lọc ảo	Trúng tuyển NV#	Tổng số TS trúng tuyển sau lọc ảo	Tỷ lệ % (Tổng số TT sau lọc ảo/Chỉ tiêu công bố)
1	Trường ĐH Luật	990	1061	367	128	89	1645	166.16
2	Trường ĐH Ngoại ngữ	1440	892	468	226	147	1733	120.35
3	Trường ĐH Kinh tế	1670	1430	614	321	259	2624	157.13
4	Trường ĐH Nông Lâm	1699	821	263	99	52	1235	72.69
5	Trường ĐH Nghệ thuật	93	38	3	1	0	42	45.16
6	Phân hiệu Quảng Trị	240	8	3	0	1	12	5.00
7	Trường ĐH Sư phạm	1859	606	135	46	20	807	43.41
8	Trường ĐH Khoa học	1555	735	210	71	53	1069	68.75
9	Trường ĐH Y Dược	1380	695	436	151	68	1411	102.25
10	Khoa Giáo dục thể chất	40	1	1	0	0	2	5.00
11	Khoa Du lịch	1450	1313	517	209	117	2156	148.69
Tổng cộng		12416	7600	3017	1252	806	12736	102.58

Nguồn: Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHH

Phụ lục 5. Tiến độ thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo

STT	Đơn vị	Tiến độ thực hiện		Số CTĐT	Tên CTĐT	Ghi chú
		CV 50/ĐHH-KTĐBCLGD	Ngày dự kiến			
1	Trường ĐH Y Dược	30/11/2018	Đã hoàn thành ngày 29/3 - 02/4/2019	03	- Dược học - Y tế cộng đồng - Điều dưỡng	Đang chờ công bố kết quả chính thức từ Trung tâm KĐCLGD- ĐH Quốc gia Hà Nội
2	Trường ĐH Kinh tế	09/2019	9/2019	06		
3	Trường ĐH Khoa học	08/2019		01		9/2019- Triển khai kế hoạch tự đánh giá
4	Trường ĐH Sư phạm	03/2019		12		
5	Trường ĐH Nông Lâm	Quý 01/2019	Đã hoàn thành tự đánh giá 3 CTĐT	07	- Lâm nghiệp - Khoa học cây trồng - Quản lý đất đai	
6	Trường ĐH Luật	01/2019	15/7/2019	02		
7	Trường ĐH Ngoại ngữ	06/2019	12/2019	02		
8	Trường ĐH Nghệ thuật	09/2019	4/2020	01		
9	Khoa Du lịch	08/2019	8/2019	01		
10	Khoa GDTC	06/2019	Đã hoàn thành BC tự đánh giá	01		
11	Phân hiệu Quảng Trị	08/2019	6/2020	01		

Nguồn: Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHH

Phụ lục 6. Vị trí xếp hạng Đại học hàng đầu Việt Nam theo QS

Năm	ĐHQG Hà Nội	ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	Trường ĐH Bách Khoa HN	Trường Đại học Cần Thơ	Đại học Huế	ĐH Đà Nẵng	Trường ĐH Tôn Đức Thắng
2016	139	147	301-350	251-300	301-350		
2017	139	142	291-300	301-350	351-400	N/A	
2018	124	144	261-270	351-400	451-500	451-500	291-300

Nguồn: Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHH

Phụ lục 7. Số lượng sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy (Tính đến tháng 7/2019)

TT	Đơn vị	Năm học 2017 – 2018					Năm học 2018 - 2019				
		Tổng số	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Tổng số	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ	954	39	180	631	104	934	70	235	585	44
2.	Trường ĐH Luật	565	6	162	391	0	574	1	129	427	17
3.	Trường ĐH Sư phạm	1226	62	419	700	45	1174	83	372	656	63
4.	Trường ĐH Kinh tế	1206	23	192	797	194	1030	39	199	679	113
5.	Trường ĐH Khoa học	1154	41	196	700	217	1049	36	173	597	243
6.	Trường ĐH Nghệ thuật	74		15	56	3	87		19	67	1
7.	Trường ĐH Y Dược	1748	0	274	1126	348	1566	1	236	1060	269
8.	Trường ĐH Nông Lâm	1275	46	304	720	205	1686	68	338	908	370
9.	Khoa GDTC	78		13	47	18					
10.	Khoa Du lịch	392	11	68	280	33	424	7	67	319	31
11.	Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị	87	2	5	65	15	34	0	3	18	13
Tổng cộng		8759	230	1828	5513	1182	8558	305	1771	5316	1164

Nguồn: Báo cáo thống kê của các ĐVTV, ĐVTT

Phụ lục 8. Kết quả tuyển sinh đại học, sau đại học

TT	Đơn vị	Năm học 2017 – 2018			Năm học 2018 – 2019		
		Đại học	Sau đại học		Đại học	Sau đại học	
			Thạc sĩ	Tiến sĩ		Thạc sĩ	Tiến sĩ
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ	1877	44	0	1442	27	1
2.	Trường ĐH Luật	1068	238		912	297	2
3.	Trường ĐH Sư phạm	2204	471	3	527	427	6
4.	Trường ĐH Kinh tế	1406	400	2	1685	303	0
5.	Trường ĐH Khoa học	1143	229	15	796	439	6
6.	Trường ĐH Nghệ thuật	59			46		
7.	Trường ĐH Y Dược	1390	204	13	1296	262	2
8.	Trường ĐH Nông Lâm	1552	234	2	1490	195	4
9.	Khoa GDTC	24			22		
10.	Khoa Du lịch	506			891		
11.	Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị	48			12		
Tổng cộng		9828	1420	35	7777	1950	21

Nguồn: Báo cáo thống kê của các ĐVTV, ĐVTT

Phụ lục 9. Chương trình tiên tiến, chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

TT	Tên chương trình đào tạo	Trình độ	Tên đối tác nước ngoài	Ngôn ngữ giảng dạy	Trường cấp bằng	Năm học 2017-2018				Năm học 2018-2019				Số sinh viên nước ngoài đang học
						Tuyển mới	Quy mô	Tốt nghiệp	Số giảng viên nước ngoài	Tuyển mới	Quy mô	Tốt nghiệp	Số giảng viên nước ngoài	
1	Chương trình Kỹ sư quốc gia INSA	Đại học	Viện Khoa học Ứng dụng Quốc gia Pháp, Trung tâm Val de Loire	Anh - Pháp	TT INSA Val de Loire hoặc INSA Toulou, Pháp	13	27	5	0	13	26	7		
2	Chương trình thạc sĩ kép	Thạc sĩ	Quốc gia	Tiếng	Đại học	4	4			3	7	4		

	ngành Vật lý		Chiao-Tung, Đài Loan	Anh	Quốc gia Chiao-Tung, Đài Loan và Su phạm										
3	Chương trình thạc sỹ kép ngành Toán học	Thạc sỹ	Quốc gia Chiao-Tung, Đài Loan	Tiếng Anh	ĐHQG Chiao-Tung và Trường ĐH Su phạm					1	1				
4	Rennes I	Đại học	ĐH Rennes I, Pháp	Tiếng pháp	Đồng cấp bằng	6	92	11		8	89	17			
5	Chương trình tiên tiến	Đại học	Sydney, Úc	Anh	Đồng cấp bằng	17	125	37		23	111	18			
6	Chương trình tiên tiến	Đại học	ĐH Vigrinia, USA	Hoa Kỳ	Đồng cấp bằng	07	30	23	2		30	18	2	2	
7	Tallaght	Đại học	Tallaght, Ailen	Anh	Đồng cấp bằng	24	41			18	59				
8	Công nghệ Y sinh học	Thạc sỹ	Sassari, Ý	Tiếng Anh	Đại học Sassari, Ý	11	21	11	13	11	20	10	13		
9	Điều dưỡng	Thạc sỹ	KhonKaen, Thái Lan	Tiếng Anh	Đại học KhonKaen, Thái Lan	15	14		12	3	16		12		
10	Y sinh học	Tiến sỹ	Đại học Tartu, Estonia	Tiếng Anh	Đại học Tartu, Estonia	9	8		4	11	19		18		
11	Hợp tác đào tạo nâng cao năng lực sản xuất và an ninh lương thực lưu vực hạ lưu sông Mê Kông	Tiến sỹ (chăn nuôi)	Thụy Điển và Dự án	Tiếng Anh	Trường ĐHNông Lâm	10	10		8		10		8	8	
12	Hợp tác với Phần Lan đào tạo sau đại học	Đại học ICT	Finland	Tiếng Anh	Khoa Quốc tế										
13 - 15	Hợp tác đào tạo với TUD, Aillen	ĐH: Du Lịch ThS: SK- MT và QL lý ATTP	Aillen	Tiếng Anh	Khoa Quốc tế; Viện CNSH, Trường ĐHKH										

Nguồn: Báo cáo thống kê của các ĐVTV, ĐVTT

Phụ lục 10. Chương trình đào tạo chất lượng cao

TT	Tên chương trình đào tạo	Trình độ	Số Quyết định cho phép thực hiện	Ngày ban hành	Tên đối tác nước ngoài	Ngôn ngữ giảng dạy	Năm học 2017-2018				Năm học 2018-2019				Số sinh viên nước ngoài đang học
							Tuyển mới	Quy mô	Tốt nghiệp	Số giảng viên nước ngoài	Tuyển mới	Quy mô	Tốt nghiệp	Số giảng viên nước ngoài	
1	Kinh tế	Đại học								21					
2	Kiểm toán	Đại học								13					
3	Quản trị kinh doanh	Đại học								31					

Nguồn: Báo cáo thống kê của các ĐVTV, ĐVTT

Phụ lục 11. Số lượng ngành đào tạo và quy mô sinh viên, học viên (tính đến tháng 7/2019)

TT	Loại hình đào tạo	Năm học 2017 – 2018		Năm học 2018 – 2019	
		Số lượng ngành đào tạo	Số lượng sinh viên, học viên	Số lượng ngành đào tạo	Số lượng sinh viên, học viên
1	Đại học		48108		48028
1.1	Chính quy	120	37932	139	40585
1.2	Cử tuyển	8	325	7	218
1.3	Vừa làm vừa học	34	5582	30	4927
1.4	Đào tạo từ xa	1	4269	1	2298
2	CĐ chính quy tập trung	5	326	4	163
3	Học sinh phổ thông	2	131	3	143
4	Sau đại học				
4.1	Nghiên cứu sinh	48	420	55	369
4.2	Cao học	77	2857	92	2999
5	Bác sĩ chuyên khoa, bác sĩ nội trú				
5.1	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	32	793	32	925
5.2	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	31	294	31	383
5.3	Bác sĩ nội trú	14	205	14	245

Nguồn: Báo cáo thống kê của các ĐVTV, ĐVTT

(không bao gồm sinh viên đã tốt nghiệp và sinh viên chuẩn bị nhập học)

Phụ lục 12. Số lượng sinh viên quốc tế

TT	Nội dung	Tổng số	Lào	Anh	Thailand	Úc	Singapore	Ý	Khác
I	Số lượng sinh viên nước ngoài đang theo học toàn bộ chương trình	350	350						
1	Trình độ đại học	330	330						
2	Trình độ thạc sĩ	12	12						
3	Trình độ tiến sĩ	8	8						
II	Số lượng sinh viên nước ngoài đến học ngắn hạn theo chương trình hợp tác, trao đổi sinh viên trong năm học 2018-2019	150	3	64	16	18	24	11	14

Nguồn: Ban Khoa học Công nghệ và Quan hệ quốc tế ĐHH

Phụ lục 13. Số lượng hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế

TT	Đơn vị	Năm học 2017 – 2018		Năm học 2018 – 2019	
		Hội thảo, hội nghị trong nước	Hội thảo, hội nghị quốc tế	Hội thảo, hội nghị trong nước	Hội thảo, hội nghị quốc tế
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ	13	1	4	1
2.	Trường ĐH Luật	10	5	8	5
3.	Trường ĐH Sư phạm	1	2	1	1
4.	Trường ĐH Kinh tế	1	3	1	2
5.	Trường ĐH Khoa học	03	1	3	
6.	Trường ĐH Nghệ thuật				
7.	Trường ĐH Y Dược		31		33
8.	Trường ĐH Nông Lâm	3	4	8	9
9.	Khoa GDTC			1	
10.	Khoa Du lịch				
11.	Khoa Quốc tế			5	1
12.	Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị	2		1	1
13.	Viện TN&MT	2	2	2	
14.	Viện CNSH		1	1	
15.	Viện NCGD&GLQT				1
16.	Trung tâm Học liệu	2	3	1	4
Tổng cộng		37	53	36	58

Nguồn: Báo cáo thống kê của các ĐVTV, ĐVTT

Phụ lục 14. Các tổ chức quốc tế đang hợp tác

STT	Tên tổ chức /doanh nghiệp	Nội dung hợp tác	Thời gian hợp tác
1.	Đại học Quốc gia Pukyung, Hàn Quốc	Trao đổi sinh viên	2019-2024
2.	Đại học Quốc gia Chonbuk, Hàn Quốc	Hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học	2018-2021
3.	Đại sứ quán Ireland	Tài trợ thực hiện dự án	2018-2019
4.	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)	Tài trợ thực hiện dự án	2018-2019
5.	Bộ Ngoại giao, Thương mại và Phát triển Canada (DFATD)	Tài trợ thực hiện dự án	2018-2019
6.	Tổ chức Project Vietnam Foundation	Tài trợ thực hiện các khóa đào tạo chuyên ngành y dược	2018-
7.	Đại học Sư phạm Hokkaido, Nhật Bản	Trao đổi giảng viên và sinh viên; phối hợp tổ chức hội thảo quốc tế	2018-2023
8.	Đại học Queensland, Úc	Trao đổi giảng viên, hợp tác nghiên cứu khoa học; đồng tổ chức Hội nghị-hội thảo.	2018-2023
9.	Học viện Sư phạm Quảng Tây, Trung Quốc	Trao đổi sinh viên; đồng tổ chức Hội nghị, hội thảo	2018-2023
10.	Đại học Loei Rajabhat, Thái Lan	Tiếp nhận sinh viên ĐH Loei Rajabhat đến học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam tại Trung tâm Giáo dục Quốc tế	2018-2023
11.	Kyungpook National University, Korea	Trao đổi sinh viên; tổ chức chương trình tình nguyện	2018-2023
12.	Đại học Finland, Phần Lan	Chuẩn bị triển khai chương trình đào tạo Cử nhân ngành Công nghệ Thông tin về An ninh mạng và Khoa học Dữ liệu	2017-2020
13.	Đại học Quốc gia Lào	Hợp tác đào tạo	2017-2020
14.	Đại học Porto, Bồ Đào Nha	Trao đổi giảng viên và sinh viên	
15.	Đại học Kalasin, Thái Lan	Hợp tác trong đào tạo và phối hợp tổ chức hội thảo	
16.	Đại học Pitzer, Hoa Kỳ	Tiếp nhận sinh viên đến học ngôn ngữ và văn hóa tại Trung tâm Giáo dục Quốc tế	2017-2020
17.	Đại học Ngoại ngữ Nagasaki, Nhật Bản	Trao đổi sinh viên	
18.	The Korea Foundation, Nhật Bản	Hỗ trợ kinh phí các chương trình trao đổi học thuật ngắn hạn; cử thực tập sinh Hàn Quốc sang thực tập giảng dạy ngắn hạn tại Trường ĐHNH	2017-2020
19.	Đại học Ubon Ratchathani, Thái Lan	Trao đổi sinh viên	2017-2022
20.	Landbrugets Jobservice ApS, Đan Mạch	Đưa sinh viên trường ĐH NL sang thực tập tại Đan Mạch	2017-2020
21.	Đại học Đại dươngĐài Loan	Hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi cán bộ và sinh viên	2017-2022
22.	Đại học KH và CN Quốc gia Pingtung, Đài Loan	Hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi cán bộ và sinh viên tại trường ĐHNH	2017-2022
23.	Đại học Yamaguchi, Nhật Bản	4 CB của Trường ĐHKH đã được đào tạo tiên sỹ tại Đại học Yamaguchi; Tham gia các hội thảo, seminar trong lĩnh vực môi trường và địa lý -địa chất	2017-2022

24.	Trường Đại học Quốc gia Chiao-Tung, Đài Loan	Phối hợp thực hiện Chương trình đào tạo Thạc sỹ kép ngành Vật lý, Hóa học (đang tuyển sinh)	2017-
25.	ĐH Tartu, Estonia	Liên kết đào tạo Tiến sĩ Y sinh học (Khóa 1)	2017-nay
26.	Bộ Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên và an toàn hạt nhân Liên Bang, Cộng hòa liên bang Đức	Tài trợ thực hiện dự án	2017-2020
27.	Quỹ Khoa học Quốc gia Thụy Sĩ (SMSF) và Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sĩ (SDC)	Tài trợ thực hiện dự án	2017-2020
28.	Tổ chức Cứu trợ trẻ em (Save the Children International)	Tài trợ thực hiện dự án	2017-2021
29.	Đại học Quốc gia Cheng Kung, Đài Loan	Hợp tác đào tạo	2016-2022
30.	Cơ quan Phát triển hợp tác quốc tế Hoa Kỳ (USAID)	Tài trợ thực hiện dự án	2016-2021
31.	ĐH Alicante, Tây Ban Nha	Tài trợ thực hiện dự án	2016-2019
32.	Bộ Giáo dục Hàn Quốc	Tài trợ thực hiện dự án	2016-2021
33.	Hội giảng dạy ngôn ngữ tại Nhật Bản (JALT – THT)	Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn về Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2016-
34.	Viện công nghệ Tallaght, Ailen	Phối hợp thực hiện Chương trình liên kết đào tạo quốc tế cử nhân Quản trị Kinh doanh giữa Trường Đại học Kinh tế và Viện công nghệ Tallaght, Ailen.	2016-nay
35.	Viện Công nghệ Dublin, Ireland	DIT phối hợp với ĐHH thực hiện dự án xây dựng 03 chương trình liên kết đào tạo về An toàn thực phẩm, Sức khỏe Môi trường, và Quản trị Du lịch và Lữ hành	2016-2021
36.	Đại học Khoa học ứng dụng FH Joanneum Gesellschaft mbH, Áo	Trao đổi sinh viên	2016-nay
37.	Đại học Kyoto, Nhật Bản	Trao đổi sinh viên, hợp tác nghiên cứu	2016-2021
38.	Đại học Ubon Ratchathani Rajabhat, Thái Lan	Trao đổi sinh viên	2016-2021
39.	Đại học Vrije Universiteit Brussel, Bỉ	Đại học Huế và ĐH Vrije Universiteit Brussel cùng tham gia vào Chương trình Thể chế Đại học do Hội đồng liên đại học vùng Flanders (VLIR-UOS), Bỉ tài trợ	2016-2021
40.	Học viện Sư phạm Ngọc Lâm	Hợp tác đào tạo, trao đổi sinh viên	2016-2021
41.	Học viện Taiken, Nhật Bản	Hợp tác đào tạo	2016-2021
42.	Đại học Tubingen, Đức	Hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi cán bộ và sinh viên	2016-2021
43.	Đại học Công nghệ Rajamangal Tanwan-ok, Thái Lan	Hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi cán bộ và sinh viên	2016-2021
44.	Đại học New England, Úc	Hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi cán bộ và sinh viên	2016-2021
45.	Đại học Quốc gia Cheng Kung, Đài Loan	Hợp tác đào tạo	

46.	INSA Toulouse và Rencontres du Vietnam, Pháp	Liên kết đào tạo kỹ sư 2+3	2016-2021
47.	Đại học Kumamoto, Nhật Bản	Cấp học bổng cho sinh viên ĐHH tham gia chương trao đổi ngôn ngữ và văn hóa tại ĐH Kumamoto	2015-2020
48.	Đại học Công nghệ Rajamangala, Sakon Nakhon Campus, Thái Lan	Trao đổi sinh viên, giao lưu sinh viên	2015-2020
49.	Đại học Quảng Tây, Trung Quốc	Trao đổi sinh viên, giao lưu văn hóa	2015-2020
50.	Đại học Buriram Rajabhat, Thái Lan	- Phối hợp tổ chức 04 Hội thảo quốc tế; SV tham gia các chương trình thực tập ngắn hạn tại hai trường. - Thành lập Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam tại trường bạn	2015-2020
51.	Đại học Donguk, Hàn Quốc	Trao đổi sinh viên: Thực hiện trao đổi sinh viên sang Hàn Quốc học tập 01 năm (12 SV sang học tập 1 năm tại ĐH Donguk)	2015-2020
52.	Học viện Bunditpatanasilpa, Thái Lan	- Dự án nghệ thuật liên kết - Trao đổi giảng viên, cán bộ	2015-2020
53.	Viện Khoa học và Công nghệ Nara, Nhật Bản	Hợp tác đào tạo, trao đổi cán bộ	2015-2020
54.	Đại học Chiang Mai, Thái Lan	Trao đổi cán bộ và sinh viên	2015-2020
55.	Trường Cao đẳng Sư phạm Pakse, Lào	Hỗ trợ đào tạo giáo viên cho Pakse	2015-2020
56.	Liên minh Châu Âu (EU)	Tài trợ thực hiện dự án	2014-2020
57.	Tổ chức VLIR-OUS, Bỉ	Tài trợ thực hiện dự án	2014-2024
58.	Tổ chức Khoa Học & Giáo Dục “Gặp Gỡ Việt Nam”	Cấp học bổng cho sinh viên	2009 đến nay
59.	Tổ chức KEIDANREN & JBAV, Nhật Bản	Cấp học bổng cho sinh viên	2008 đến nay
60.	Tổ chức GCSF Việt Nam	hỗ trợ giảng dạy ngoại ngữ và liên kết trao đổi các chương trình đào tạo	
61.	Đại học Virginia, Hoa Kỳ	Phối hợp thực hiện Chương trình tiên tiến ngành Vật lý	2007-2018
62.	Viện Khoa học Ứng dụng Quốc gia Pháp, Trung tâm Val de Loire	Phối hợp thực hiện Chương trình liên kết đào tạo Kỹ sư quốc gia INSA Val de Loire	2009 đến nay
63.	Đại học Rennes 1, Cộng hòa Pháp	Phối hợp thực hiện Chương trình liên kết đào tạo đồng cấp bằng trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng, Chuyên ngành Tiền tệ - Tài chính - Ngân hàng	2007-nay
64.	Đại học Sydney, Úc	Phối hợp thực hiện Chương trình tiên tiến đào tạo cử nhân kinh tế nông nghiệp	2010-nay
65.	Đại học Sassari, Ý	Liên kết đào tạo Thạc sỹ y học về Công nghệ sinh học	2013-nay
66.	Đại học Okayama, Nhật Bản	Chương trình đào tạo Thạc sỹ quốc tế Okayama-Huế về Sự bền vững các hệ thống nông thôn và môi trường	2007-nay

Nguồn: Ban Khoa học Công nghệ và Quan hệ quốc tế ĐHH

Phụ lục 15. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ

TT	Nội dung	Năm 2017						Năm 2018					
		I	II	III	IV	V	VI	I	II	III	IV	V	VI
1	Số lượng đề tài NCKH cấp Nhà nước	0	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0
2	Số lượng đề tài NCKH Nghị định thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Số lượng đề tài NCKH cấp Bộ/Tỉnh	5	0	1	5	3	6	0	1	1	1	4	2
4	Số lượng đề tài cấp Trường	16	6	13	14	21	16	12	5	12	14	29	16
5	Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước theo quy định của HĐCDGSNN	58	5	35	36	66	28	95	12	10	60	52	40
6	Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc hệ thống SCOPUS, ISI	82	9	49	26	9	3	134	11	61	42	16	4
7	Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ				2						5		

Ghi chú:

- I** Khoa học tự nhiên
- II** Khoa học kỹ thuật và công nghệ
- III** Khoa học y, dược
- IV** Khoa học nông nghiệp
- V** Khoa học xã hội
- VI** Khoa học nhân văn

Nguồn: Ban Khoa học Công nghệ và Quan hệ quốc tế ĐHH

Phụ lục 16. Kết quả công tác hợp tác quốc tế

T T	Đơn vị	Đoàn vào	Đoàn ra	Số lượng văn bản ký kết thỏa thuận, hợp tác	Số lượng chương trình, dự án HTQT
	Trường ĐH Ngoại ngữ	63		2	
	Trường ĐH Luật	8	1	2	
	Trường ĐH Sư phạm	24	30	9	1
	Trường ĐH Kinh tế	230	81	2	3
	Trường ĐH Khoa học	31	36	3	3
	Trường ĐH Nghệ thuật	2	3		2
	Trường ĐH Y Dược	175	25	9	8
	Trường ĐH Nông Lâm	71	52	6	7
	Khoa GDTC				
	Khoa Du lịch	6	5	7	2
	Khoa Quốc tế	9		2	5
	Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị	3	3	3	
	Viện TN&MT	10	4	1	1
	Viện CNSH	8	1		1
	Tổng cộng	640	241	46	33

Nguồn: Báo cáo thống kê của các ĐVTV, ĐVTT

Phụ lục 17. Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ

TT	Đơn vị	Tổng số	Trình độ			Chức danh GS, PGS	Danh hiệu	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân		Nhà giáo Nhân dân	Nhà giáo Ưu tú
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ	299	42	158	91	4		1
2.	Trường ĐH Luật	126	14	64	42	2		1
3.	Trường ĐH Sư phạm	387	84	153	77	53		10
4.	Trường ĐH Kinh tế	298	56	161	59	13		
5.	Trường ĐH Khoa học	417	122	180	87	40		8
6.	Trường ĐH Nghệ thuật	103	3	69	23	1		1
7.	Trường ĐH Y Dược	638	125	246	229	59	2	17
8.	Trường ĐH Nông Lâm	416	103	212	72	43	1	8
9.	Khoa GDTC	78	7	46	21			
10.	Khoa Du lịch	116	9	70	32	2		
11.	Khoa Quốc tế	7	1	3	3	1		
12.	Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị	53	5	39	7			
13.	Viện TN&MT	19	2	13	3			
14.	Viện CNSH	26	7	13	6	2		
15.	Viện NCGD&GLQT	5	1		4	1		
16.	Trung tâm PVSU	40		2	18			
17.	Trung tâm GDTX	60	1	18	39	1		
18.	Trung tâm Học liệu	22		6	9			
19.	Trung tâm CNTT	8	1	3	4			
20.	Trung tâm GDQP&AN	58		4	43			
21.	Nhà xuất bản	8	1	3	4			
22.	Cơ quan ĐHH	132	20	49	54	6		

Nguồn: Báo cáo thống kê của các ĐVTU, ĐVTT

Phụ lục 18. Tình hình tài chính Đại học Huế qua 3 năm (2017 – 2019)

Đơn vị tính: triệu đồng (Nguồn: Ban Kế hoạch – Tài chính ĐHH)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017		Thực hiện 2018		Ước TH 2019		So sánh 2018/2017		So sánh 2019/2018	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	Tổng số	1,171,136	100	1,178,149	100	1,242,826	100	7,013	100.6	64,678	105.5
I	Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác	870,154	74.3	826,128	70.1	877,253	70.6	-44,027	94.9	51,126	106.2
1	Học phí	490,463		477,688		487,594		-12,775	97.4	9,906	102.1
	<i>Chính quy</i>	310,131		326,867		335,678					
	<i>Không chính quy</i>	128,569		87,679		99,123					
	<i>Sau đại học</i>	51,763		63,142		52,793					
2	Lệ phí (tuyển sinh, thi viên chức...)	2,973		3,847		3,586		874	129.4	-261	93.2
3	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ (KCB, dịch vụ đào tạo, khác)	348,276		297,501		315,706		-50,775	85.4	18,205	106.1
4	Thu sự nghiệp khác, viện trợ	28,442		47,092		70,367		18,650	165.6	23,275	149.4
II	Kinh phí NSNN cấp	300,982	25.7	352,021	29.9	365,573	29.4	51,039	117.0	13,552	103.8
A	Dự toán chi thường xuyên	227,093	19.4	255,456	21.7	255,114	20.5	28,363	112.5	-342	99.9
1	Đào tạo ĐH-CD (490-502)	222,593		250,956		251,632					
2	Đào tạo SĐH (490-503)	4,500		4,500		3,482					
B	Dự toán chi không thường xuyên	13,006	1.1	85,692	7.3	73,939	5.9	72,686	658.9	-11,753	86.3
3	Kinh phí đối ứng dự án ODA	720		710		643					
4	Sự nghiệp môi trường (280-281)	350		750		1,200					
5	Nghiên cứu khoa học (370-371)	9,478		22,383		8,554					
6	Đào tạo HS Lào (340-348)	1,038		1,266		118					
7	DA tăng cường dạy và học ngoại ngữ	-2,500		7,350		12,369					
8	DA nâng cao NL trường S/phạm (ETEP)	3,920		16,000		16,000					
9	DA HPET (vốn vay NN)			13,939		18,310					
10	DA Nâng cao năng lực khám chữa bệnh (vốn vay NN)			23,294		16,745					
C	NSNN Chi đầu tư XD CB	60,883	5.2	10,873	0.9	36,520	2.9	-50,010	17.9	25,647	335.9
11	NSNN trong nước	59,917		9,877		2,499					
12	Vốn ODA	966		996		34,021					

Phụ lục 19. Kết quả xây dựng và trang bị cơ sở vật chất giai đoạn 2017 - 2019

TT	Các loại công việc	Số lượng (m ² , cái)			Giá trị (triệu đồng)		
		2017	2018	2019	2017	2018	2019
1	Xây dựng cơ bản (m ² sàn)	0	14.695	0	0	0	0
2	Số lượng các công trình bàn giao	2	3	20 các công trình cải tạo theo nguồn vốn chi thường xuyên (070-081)	0	0	16.976
3	Số lượng các dự án đầu tư trang thiết bị	1	0	8 các gói thầu thuộc dự án duy tu, bảo dưỡng, thiết bị khoa học công nghệ Viện CNSH, Khoa Vật lý trường ĐHKH và nguồn vốn chi thường xuyên (070-081)	5.970	0	16.539
4	Giảng đường, phòng học (m ² sàn)	0	5.300	0	0	37.939	0
5	Thư viện (m ² sàn)	0	0	0	0	0	0
6	Phòng thí nghiệm, xưởng thực tập (m ² sàn)	0	5.010	0	11.861	31.976	0
7	Ký túc xá (m ² sàn)	0	0	0	0	0	0
8	Nhà làm việc (m ² sàn)	0	4.385	0	21.566	34.614	0

Nguồn: Ban Cơ sở vật chất ĐHH